

THIỆT HẠI VÀ XÁC ĐỊNH THIẾT HẠI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG TRONG PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC

• Lê Văn Tiến*

Tóm tắt: Thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường là những quy định liên quan mật thiết nhất đến quyền lợi của người bị thiệt hại trong các giao dịch dân sự. Bài viết phân tích quá trình hình thành, phát triển của các quy định về vấn đề này trong pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ở Việt Nam. Đến nay, quy định về thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường được đánh giá là rõ ràng, cụ thể, góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy công tác bồi thường nhà nước nói chung và bảo đảm quyền, lợi ích của người bị thiệt hại trong lĩnh vực này nói riêng.

Từ khóa: Thiệt hại; thiệt hại được bồi thường; trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; xác định thiệt hại.

Abstract: Compensation for damage and determination of compensated damage are the provisions most closely related to the rights of the victims in civil transactions. The article analyzes the formation and development of regulations on this issue under the law on compensation liability of the State in Vietnam. Up to now, regulations on compensatory damage and determination of compensated damage have been assessed as clear and specific, significantly contributing to the promotion of state compensation in general and guaranteeing the right as well as interests of the victims in this area in particular.

Keywords: Damage; damages are compensated; compensation liability of the State; damage determination.

Ngày nhận: 18/8/2021 Ngày phản biện, đánh giá: 25/8/2021 Ngày duyệt: 15/9/2021

1. Một số vấn đề chung về thiệt hại và xác định thiệt hại được bồi thường

Trong quan hệ pháp luật giữa Nhà nước với các tổ chức, cá nhân, khi để xảy ra sai phạm thì Nhà nước, các cá nhân có thẩm quyền có thể phải chịu một hoặc nhiều trách nhiệm khác nhau như trách nhiệm chính trị, trách nhiệm khôi phục lại tình trạng ban đầu, trách nhiệm kỷ luật và trách

(*) Cục Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp. Email: tienlv@moj.gov.vn.

nhiệm bồi thường thiệt hại. Như vậy, trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (TNBTCNN) là một dạng cụ thể của trách nhiệm của Nhà nước¹. Trong quan hệ pháp luật về TNBTCNN, vấn đề thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường có ý nghĩa hết sức quan trọng, cần được điều chỉnh một cách cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ.

Dưới góc độ ngôn ngữ học, thiệt hại được hiểu là “mất mát, hư hỏng nặng nề về người và của”². Quan điểm truyền thống của pháp luật dân sự luôn coi thiệt hại là những tổn thất có liên quan đến tài sản; tuy nhiên theo những quan điểm hiện nay thì thiệt hại bao gồm không chỉ những tổn thất về tài sản. Trong khoa học pháp lý, một trong những quan điểm phổ biến hiện nay coi thiệt hại là “tổn thất về tính mạng, sức khỏe, danh dự, uy tín, tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ”³. Dưới góc độ luật thực định, Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 1995 quy định: “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại bao gồm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất và trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tinh thần” (Điều 310); BLDS năm 2005 quy định: “Trách nhiệm bồi thường thiệt hại bao gồm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất, trách nhiệm bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần” (Điều 305); BLDS năm 2015 thì quy định “Trường hợp có thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra

thì bên có nghĩa vụ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác” (Điều 360) và “Thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần” (khoản 1 Điều 361), trong đó, “Thiệt hại về vật chất là tổn thất vật chất thực tế xác định được, bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút” (khoản 2 Điều 361) và “Thiệt hại về tinh thần là tổn thất về tinh thần do bị xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các lợi ích nhân thân khác của một chủ thể” (khoản 3 Điều 361).

Nhìn chung, theo quan điểm phổ biến hiện nay, thiệt hại trong các giao dịch dân sự bao gồm: thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần⁴. Thiệt hại về vật chất bao gồm “tài sản bị mất, hủy hoại, bị hư hỏng; chi phí phải bỏ ra để khắc phục, ngăn chặn thiệt hại cùng những hoa lợi, lợi tức không thu được mà đáng ra thu được”. Thiệt hại về tinh thần bao gồm “tổn thất về danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc suy sụp về tâm lý, tình cảm của cá nhân”.

Trong mối liên hệ với quyền được Nhà nước bồi thường, nếu như “thiệt hại được bồi thường” là nhóm quy định mang tính chất “nội dung” thì “xác định thiệt hại được bồi thường” là những quy định mang tính “thủ tục”.

Dưới góc độ luật thực định thì “*xác định thiệt hại được bồi thường*” được coi là một giai đoạn trong quá trình thực hiện thủ tục giải quyết bồi thường. Theo đó, việc xác định thiệt hại là các biện pháp mà cơ quan có thẩm quyền sử dụng áp dụng để xem xét, đánh giá và kiểm chứng.

2. Quá trình hình thành, phát triển của các quy định pháp luật về thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường trong lĩnh vực trách nhiệm bồi thường nhà nước

2.1. Thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường trong quy định của pháp luật trước khi có Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009

Tính từ thời điểm BLDS năm 1995 có hiệu lực đến trước thời điểm có Luật TNBTCNN năm 2009, quy định pháp luật về thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường đã bước đầu được điều chỉnh và từng bước được cụ thể hoá.

Trước hết, BLDS năm 1995 quy định vấn đề TNBTCNN tại 02 điều luật là Điều 623 về bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước gây ra và Điều 624 về bồi thường thiệt hại do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra. Ở giai đoạn này, TNBTCNN chỉ được quy định trong BLDS, vì vậy, vấn đề thiệt hại và xác định thiệt hại được bồi thường phải căn cứ theo các quy định

của Bộ luật này. Theo đó, thiệt hại được Nhà nước bồi thường sẽ bao gồm: (1) *thiệt hại do tài sản bị xâm phạm* (Điều 612); (2) *thiệt hại do sức khoẻ bị xâm phạm* (Điều 613); (3) *thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm* (Điều 614); (4) *thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm* (Điều 615).

Sau đó 2 năm, trên cơ sở quy định của BLDS năm 1995, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 47/CP ngày 03/5/1997 về việc giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra (Nghị định số 47/CP); Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) ban hành Thông tư số 54/1998/TT-BTCCBCP ngày 04/6/1998 hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định 47/CP ngày 03/5/1997 của Chính phủ quy định thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra (Thông tư số 54). Mặc dù là các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành quy định về TNBTCNN của BLDS năm 1995, tuy nhiên, Nghị định số 47/CP và Thông tư số 54 cũng rất ít quy định về thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường. Nghị định số 47/CP thì chỉ quy định dẫn chiếu áp dụng quy định của BLDS năm 1995 về xác định thiệt hại được bồi thường, theo đó: “*nguyên tắc xác định*

thiệt hại, mức bồi thường và mức hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại và việc miễn, giảm, hoãn hoàn trả bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự” (khoản 1 Điều 5 Nghị định số 47/CP). Thông tư số 54 thì quy định rõ hơn về tính chất của thiệt hại, theo đó: “thiệt hại nói tại Nghị định 47/CP ngày 3 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ là thiệt hại thực tế do công chức, viên chức nhà nước gây ra trong khi thi hành công vụ” (mục 3 Thông tư số 54).

Như vậy, có thể nói rằng, TNBTCNN ở giai đoạn này nói chung và quy định về thiệt hại và xác định thiệt hại được bồi thường nói riêng không được xác định những đặc thù riêng biệt của lĩnh vực này. Đó cũng chính là lý do mà trên thực tiễn “*Nghị định số 47/CP hầu như không phát huy tác dụng, chưa được áp dụng để giải quyết bồi thường thiệt hại trong các lĩnh vực tố tụng hình sự, dân sự và hành chính*”⁵.

Riêng trong lĩnh vực tố tụng hình sự, do tính không khả thi của Nghị định số 47/CP và những đòi hỏi bức thiết đặt ra trong xã hội đối với việc nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, ngày 17/3/2003, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra (Nghị quyết số

388). So với Nghị định số 47/CP và so với BLDS năm 1995, Nghị quyết này đã quy định cụ thể hơn và đặc thù hơn về cơ chế bồi thường nhà nước so với bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thông thường trong BLDS. Riêng đối với quy định về thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường, Nghị quyết số 388 quy định khá cụ thể và chi tiết như sau:

Về thiệt hại được bồi thường, Nghị quyết số 388 quy định các loại thiệt hại bao gồm: khôi phục danh dự (Điều 4); thiệt hại do tổn thất về tinh thần (Điều 5); thiệt hại về vật chất trong trường hợp người bị oan chết (Điều 6); thiệt hại về vật chất trong trường hợp người bị oan bị tổn hại về sức khỏe (Điều 7); trả lại tài sản và bồi thường thiệt hại trong trường hợp tài sản bị xâm phạm (Điều 8) và thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất của người bị oan (Điều 9).

Về xác định thiệt hại được bồi thường, Nghị quyết số 388 không quy định trách nhiệm xác minh thiệt hại của cơ quan có trách nhiệm bồi thường mà chỉ quy định việc giải quyết bồi thường bằng thương lượng (Điều 11). Các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 388 cũng không quy định vấn đề này.

Tuy quy định trong Nghị quyết số 388 còn đơn giản trong khâu giải quyết bồi thường nói chung và xác minh thiệt hại nói riêng nhưng văn bản này cũng đã xác lập những nền

tăng cơ bản để định hình nên cơ chế bồi thường nhà nước sau này trong Luật TNBTCNN năm 2009 và Luật TNBTCNN năm 2017.

2.2. Thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường trong quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2009

Ngày 18/6/2009, Quốc hội đã thông qua Luật TNBTCNN năm 2009. Đây là lần đầu tiên trong quá trình phát triển của mình, TNBTCNN được điều chỉnh riêng bằng một văn bản ở tầm luật. Luật đã dành hẳn một Chương riêng để quy định về thiệt hại được bồi thường và có quy định riêng về trách nhiệm xác minh thiệt hại của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ nếu cơ quan này giải quyết yêu cầu bồi thường. Cụ thể như sau:

a) Về thiệt hại được bồi thường

Luật TNBTCNN năm 2009 quy định thiệt hại được Nhà nước bồi thường bao gồm: (1) *thiệt hại do tài sản bị xâm phạm* (Điều 45); (2) *thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút* (Điều 46); (3) *thiệt hại do tổn thất về tinh thần* (Điều 47); (4) *thiệt hại về vật chất do người bị thiệt hại chết* (Điều 48); (5) *thiệt hại về vật chất do bị tổn hại về sức khỏe* (Điều 49), (6) *trả lại tài sản* (Điều 50) và (7) *khôi phục danh dự cho người bị thiệt hại trong hoạt động tổ tụng hình sự* (Điều 51).

Ngoài những quy định về thiệt hại được bồi thường, để khôi phục

lại các quyền, lợi ích hợp pháp đã mất hoặc bị tổn hại, Luật TNBTCNN năm 2009 cũng quy định quyền của người bị thiệt hại được “*yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của mình*” (điểm đ khoản 1 Điều 9) và quy định trách nhiệm của cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải “*khôi phục hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại*” (khoản 7 Điều 8).

Như vậy, so với BLDS năm 1995, BLDS năm 2005 thì quy định về thiệt hại được Nhà nước bồi thường trong Luật TNBTCNN năm 2009 có điểm giống và khác quy định về thiệt hại được bồi thường trong quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của BLDS. Cụ thể là:

Về điểm giống nhau

Luật TNBTCNN năm 2009 và BLDS đều quy định cụ thể các loại thiệt hại được bồi thường. Điểm giống nhau này là bởi Luật TNBTCNN được xây dựng và ban hành dựa trên nền tảng quy định của BLDS và về nguyên tắc thì cũng không được trái với quy định của BLDS và phải bảo đảm quy định tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.

Về điểm khác nhau

Thứ nhất, BLDS chỉ quy định loại thiệt hại được bồi thường, trong khi đó, Luật TNBTCNN năm 2009 không chỉ quy định loại thiệt hại được

bồi thường mà còn quy định cả cách tính các loại thiệt hại đó.

Đơn cử, BLDS năm 2005 quy định một trong những thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là “*lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản*” (khoản 3 Điều 608). Đối với loại thiệt hại nêu trên thì Luật TNBTCNN năm 2009 quy định “*trường hợp có thiệt hại phát sinh do việc không sử dụng, khai thác tài sản thì thiệt hại được xác định là thu nhập thực tế bị mất. Đối với những tài sản trên thị trường có cho thuê, thu nhập thực tế bị mất được xác định phù hợp với mức giá thuê của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, tính năng, tác dụng và chất lượng tại thời điểm giải quyết bồi thường; đối với những tài sản trên thị trường không có cho thuê, thu nhập thực tế bị mất được xác định trên cơ sở thu nhập do tài sản bị thiệt hại mang lại trong điều kiện bình thường trước thời điểm thiệt hại xảy ra; nếu tài sản bị kê biên được giao cho người bị thiệt hại hoặc người khác quản lý thì chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại về tài sản được xác định là những thiệt hại được bồi thường*”.

Thứ hai, các thiệt hại mà Luật TNBTCNN năm 2009 quy định đều có mức tương đương hoặc cao hơn quy định của BLDS.

Đơn cử, BLDS năm 2005 quy định một trong những loại thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm là bồi thường

bù đắp tổn thất về tinh thần và loại thiệt hại này được tính mức là “*mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá sáu mươi tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định*” (khoản 2 Điều 610). Luật TNBTCNN năm 2009 thì quy định thiệt hại này ở mức cao hơn, theo đó mức này được xác định là “*thiệt hại do tổn thất về tinh thần trong trường hợp người bị thiệt hại chết được xác định là ba trăm sáu mươi tháng lương tối thiểu*” (khoản 3 Điều 47).

b) Về xác định thiệt hại được bồi thường

So với BLDS, trong đó quy định việc tự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bên và cơ chế khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường, Luật TNBTCNN năm 2009 cũng quy định 2 cách thức như BLDS. Tuy nhiên, riêng đối với việc tự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bên - giữa người bị thiệt hại với cơ quan có trách nhiệm bồi thường - thì việc tự thỏa thuận cũng phải tuân thủ trình tự, thủ tục nhất định, trong đó, Luật quy định rõ trách nhiệm xác minh thiệt hại của cơ quan có trách nhiệm bồi thường (cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại thực hiện giải quyết bồi thường). Theo đó, trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường, cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt

hại để làm căn cứ xác định mức bồi thường; trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại có thể kéo dài nhưng không quá 40 ngày. Tùy vào tính chất, nội dung của vụ việc, cơ quan có trách nhiệm bồi thường có thể tổ chức việc định giá tài sản, giám định thiệt hại về tài sản, giám định thiệt hại về sức khỏe hoặc lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan về việc giải quyết bồi thường (Điều 18 Luật TNBTCNN năm 2009).

Có thể nói rằng, sau hơn 6 năm thi hành, các quy định của Luật TNBTCNN năm 2009 về thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường về cơ bản đã phát huy được hiệu lực, hiệu quả trên thực tiễn, góp phần quan trọng vào việc giải quyết triệt để các yêu cầu bồi thường của người bị thiệt hại cũng như thân nhân của người bị thiệt hại. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, các quy định của Luật TNBTCNN năm 2009 cũng còn những tồn tại, hạn chế nhất định, đòi hỏi phải được sửa đổi, bổ sung. Đơn cử, so với đòi hỏi của thực tiễn, Luật chưa dự liệu hết các khoản thiệt hại được bồi thường trong thực tế nên chưa quy định đầy đủ các khoản thiệt hại phải bồi thường dẫn đến việc giải quyết bồi thường giữa cơ quan có trách nhiệm bồi thường và người bị thiệt hại còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng, đặc

biệt trong thương lượng rất khó thống nhất thiệt hại được bồi thường. Một số thiệt hại được bồi thường chưa được lượng hóa mức thiệt hại cụ thể hoặc không còn phù hợp với thực tế, do đó gây khó khăn cho quá trình giải quyết bồi thường⁶. Đối với xác định thiệt hại nói chung và thủ tục giải quyết bồi thường nói riêng, quy định của Luật còn nhiều hạn chế, thủ tục hành chính rườm rà, thời hạn giải quyết không phù hợp, chưa tạo điều kiện cho cơ quan giải quyết bồi thường chủ động ra quyết định giải quyết bồi thường đối với thiệt hại đã rõ ràng, tính được ngay theo quy định của pháp luật nên chưa kịp thời đảm bảo quyền lợi của người bị thiệt hại⁷.

2.3. Thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường trong quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017

Ngày 20/6/2017, Quốc hội đã thông qua Luật TNBTCNN năm 2017. Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2018.

Thiệt hại được bồi thường tiếp tục được quy định tại một Chương riêng là Chương III với 11 Điều (từ Điều 22 đến Điều 32), trong đó, quy định không chỉ về thiệt hại được bồi thường mà còn quy định cả về khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp khác, các thiệt hại Nhà nước không bồi thường và vấn đề phục hồi danh dự cho người bị thiệt hại trong một số trường hợp nhất định.

So sánh với Luật TNBTCNN năm 2009, Luật TNBTCNN 2017 đã sửa đổi, bổ sung toàn diện các quy định về thiệt hại được bồi thường, cụ thể như sau:

a) Về thiệt hại được bồi thường

Thứ nhất, về phương thức quy định các thiệt hại được bồi thường, Luật TNBTCNN năm 2017 tiếp tục quy định các thiệt hại được bồi thường theo hướng quy định chi tiết, cụ thể các loại thiệt hại cũng như cách thức xác định, căn cứ xác định từng loại thiệt hại được bồi thường. Quy định như vậy là để phù hợp với việc rút ngắn thời hạn giải quyết bồi thường, vì để có thể rút ngắn thời hạn giải quyết bồi thường thì các loại thiệt hại cần phải được quy định cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác minh thiệt hại cũng như thương lượng việc bồi thường trong quá trình giải quyết bồi thường.

Thứ hai, Luật TNBTCNN năm 2017 quy định bổ sung nhiều loại thiệt hại được bồi thường như: thiệt hại được bồi thường là khoản tiền phạt theo thỏa thuận trong giao dịch dân sự, kinh tế do không thực hiện được các giao dịch dân sự, kinh tế (*khoản 5 Điều 23*); thiệt hại được bồi thường là phần thiệt hại do vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết (*khoản 6 Điều 23*); bổ sung một số thiệt hại về tinh thần trong trường hợp áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (*khoản 1 Điều 27*),

trường hợp giữ người trong trường hợp khẩn cấp (*điểm a khoản 3 Điều 27*) và trường hợp công chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật (*khoản 6 Điều 27*); bổ sung thiệt hại là các chi phí khác được bồi thường (*Điều 28*).

Thứ ba, quy định tăng mức bồi thường cho thiệt hại về tinh thần đối với các trường hợp bị oan trong hoạt động tố tụng hình sự và trường hợp thiệt hại về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm. Việc tăng mức bồi thường cho các thiệt hại nêu trên cho phù hợp với quy định của BLDS 2015 và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, cũng như bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại.

Thứ tư, đối với các thiệt hại Nhà nước không bồi thường, Luật TNBTCNN năm 2017 đã “gom” các quy định về các thiệt hại Nhà nước không bồi thường tại nhiều điều khác nhau của Luật TNBTCNN năm 2009 (*khoản 3 Điều 6, Điều 27*) và tại các văn bản hướng dẫn thi hành (*điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BTP-BQP* ngày 07/12/2015 của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện TNBTCNN trong hoạt động thi hành án dân sự) để quy định tập trung tại một điều (*Điều 32*). Đồng thời, Luật TNBTCNN năm 2017 bổ sung một số thiệt hại Nhà nước không bồi thường trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính và thi hành án dân sự cho phù

hợp với quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Thứ năm, về phục hồi danh dự, Luật TNBTCNN năm 2017 đã sửa đổi quy định về phục hồi danh dự theo hướng quy định Nhà nước chủ động phục hồi danh dự cho người bị thiệt hại. Đồng thời, Luật TNBTCNN năm 2017 đã bổ sung một số đối tượng được phục hồi danh dự như: công chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật; người bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc trái pháp luật.

b) Về xác định thiệt hại được bồi thường

Tại Chương V về giải quyết bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại, Điều 45 của Luật TNBTCNN năm 2017 cũng đã sửa đổi, bổ sung toàn diện quy định tại Điều 18 Luật TNBTCNN năm 2009 về trách nhiệm xác minh thiệt hại của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại, theo hướng: rút ngắn thời hạn xác minh thiệt hại; bổ sung quy định về thỏa thuận kéo dài thời hạn xác minh thiệt hại giữa người yêu cầu bồi thường với người giải quyết bồi thường (khoản 2); bổ sung quy định về báo cáo xác minh thiệt hại để làm căn cứ thương lượng việc bồi

thường (khoản 3); bổ sung quy định về việc tham gia xác minh thiệt hại của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và cơ quan tài chính có thẩm quyền khi có đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp vụ việc phức tạp (khoản 4). Cụ thể như sau:

Thứ nhất, về trách nhiệm trong việc xác minh thiệt hại. Người giải quyết bồi thường có trách nhiệm thực hiện việc xác minh các thiệt hại được yêu cầu trong hồ sơ. Trong trường hợp cần thiết, người giải quyết bồi thường có thể yêu cầu người yêu cầu bồi thường, cá nhân, tổ chức khác có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc xác minh thiệt hại, đề nghị định giá tài sản, giám định thiệt hại hoặc lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức có liên quan về thiệt hại, mức bồi thường.

Thứ hai, về thời hạn xác minh thiệt hại. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại. Trường hợp vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn xác minh thiệt hại là 30 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ. Thời hạn xác minh thiệt hại có thể được kéo dài theo thỏa thuận giữa người yêu cầu bồi thường và người giải quyết bồi thường nhưng tối đa là 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định tại khoản này.

Quy định về thỏa thuận kéo dài thời hạn xác minh thiệt hại là quy định mới được Luật bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, theo đó, có nhiều trường hợp người yêu cầu bồi thường mong muốn cơ quan có trách nhiệm bồi thường thực hiện kỹ lưỡng hơn việc xác minh thiệt hại... để bảo đảm cho việc giải quyết bồi thường được đúng pháp luật. Việc Luật bổ sung quy định này cũng là phù hợp với nguyên tắc thực hiện quyền dân sự theo quy định của BLDS năm 2015.

Thứ ba, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại làm căn cứ để thương lượng việc bồi thường.

Thứ tư, trong trường hợp vụ việc phức tạp, cơ quan giải quyết bồi thường có thể đề nghị đại diện cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, cơ quan tài chính có thẩm quyền tham gia vào việc xác minh thiệt hại.

Thứ năm, chi phí định giá tài sản, giám định thiệt hại được bảo đảm từ ngân sách nhà nước.

Tóm lại, thiệt hại được bồi thường là một trong những quy định liên quan mật thiết nhất đến quyền lợi của người bị thiệt hại, việc quy định càng chi tiết, cụ thể và rõ ràng các thiệt hại được bồi thường sẽ giúp cho người dân, cơ quan nhà nước dễ nhận biết, nắm bắt các quy định, đồng thời,

giúp cho việc giải quyết bồi thường được nhanh chóng, kịp thời. Với những quy định mới, cụ thể và rõ ràng về thiệt hại được bồi thường và xác định thiệt hại được bồi thường, trong thời gian qua, Luật TNBTCNN năm 2017 đã phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy công tác bồi thường nhà nước nói chung, hoạt động giải quyết bồi thường nói riêng, góp phần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị thiệt hại; tạo niềm tin của Nhân dân vào Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.■

Tài liệu trích dẫn

(1) Lê Thái Phương (2020), *“Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo pháp luật Việt Nam”*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, trang 20-21.

(2) Nguyễn Như Ý (1998), *Đại Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin, Hà Nội, trang 1571.

(3) Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, trang 118.

(4) Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nhà xuất bản từ điển bách khoa, Nhà xuất bản tư pháp, Hà Nội, trang 713.

(5) Chính phủ (2008), *Tờ trình số 161/TTr-CP ngày 13/10/2008 trình Quốc hội dự án Luật Bồi thường nhà nước*, trang 2.

(6) Bộ Tư pháp, *Báo cáo số 181/BC-BTP ngày 15/7/2016 tổng kết 6 năm thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*, trang 25-26.

(7) Bộ Tư pháp, *Tlđđ*, trang 26.